**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**2251052069 - Đặng Phương Nam**

**2251052060 - Nguyễn Tấn Lộc**

**ỨNG DỤNG TÌM KIẾM VÀ**

**QUẢN LÝ VIỆC LÀM TRỰC TUYẾN**

**TP. HỒ CHÍ MINH, 2024 - 2025**

**MỤC LỤC**

[DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 5](#__RefHeading___Toc2288_1634557080)

[DANH MỤC HÌNH VẼ 6](#__RefHeading___Toc2290_1634557080)

[DANH MỤC BẢNG 7](#__RefHeading___Toc2292_1634557080)

[Chương 1. GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI 8](#__RefHeading___Toc2294_1634557080)

[1.1. Giới thiệu 8](#__RefHeading___Toc2296_1634557080)

[1.2. Phân tích yêu cầu 8](#__RefHeading___Toc2298_1634557080)

[1.2.1. Xác định các chức năng 8](#__RefHeading___Toc2300_1634557080)

[1.2.2. Lược đồ use case 8](#__RefHeading___Toc2302_1634557080)

[1.2.3. Đặc tả use case 8](#__RefHeading___Toc2304_1634557080)

[1.3. Thiết kế hệ thống 8](#__RefHeading___Toc2306_1634557080)

[1.3.1. Sơ đồ lớp UML 8](#__RefHeading___Toc2308_1634557080)

[1.3.2. Lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ 8](#__RefHeading___Toc2310_1634557080)

[1.3.3. Thiết kế giao diện và thiết kế xử lý 8](#__RefHeading___Toc2312_1634557080)

[Chương 2. HIỆN THỰC RESTFUL API 9](#__RefHeading___Toc2314_1634557080)

[2.1. Thiết kế Model 9](#__RefHeading___Toc2316_1634557080)

[2.2. Xây dựng API 9](#__RefHeading___Toc2318_1634557080)

[2.3. Kiểm thử API 9](#__RefHeading___Toc2320_1634557080)

[Chương 3. PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DI ĐỘNG REACT NATIVE 10](#__RefHeading___Toc2322_1634557080)

[3.1. Cấu trúc ứng dụng 10](#__RefHeading___Toc2324_1634557080)

[3.2. Xây dựng giao diện 10](#__RefHeading___Toc2326_1634557080)

[3.3. Tích hợp API 10](#__RefHeading___Toc2328_1634557080)

[3.4. Tối ưu hiệu suất 10](#__RefHeading___Toc2330_1634557080)

[Chương 4. HỆ THỐNG <TÊN ĐỀ TÀI> 11](#__RefHeading___Toc2332_1634557080)

[4.1. Kết quả đạt được của đề tài 11](#__RefHeading___Toc2334_1634557080)

[4.2. Các chức năng hệ thống 11](#__RefHeading___Toc2336_1634557080)

[4.2.1. Chức năng 1 11](#__RefHeading___Toc2338_1634557080)

[4.2.2. Chức năng 2 11](#__RefHeading___Toc2340_1634557080)

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC HÌNH VẼ

[Hình 1.1 : Tên hình 1 6](#_Toc1588)

[Hình 3.1 : Hình chức năng 1 (chụp từ kết quả hệ thống) 9](#_Toc11872)

[Hình 3.2 : Hình chức năng 2 (chụp từ kết quả hệ thống) 9](#_Toc6349)

DANH MỤC BẢNG

[Bảng 1.1 : Tên bảng 1 6](#_Toc27355)

# GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI

## Giới thiệu

Sinh viên trình bày vắn tắt nội dung và mục tiêu đề tài (viết đoạn ít nhất 5 dòng)

## Phân tích yêu cầu

### Xác định các chức năng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức năng** | **Nội dung** |
| 1 | **Xác thực và phân quyền** | **Đăng nhập, đăng ký:**   * Hỗ trợ đăng nhập bằng email, số điện thoại, Google, Facebook. * Mã xác thực hai yếu tố (2FA) để tăng cường bảo mật. * Cơ chế đặt lại mật khẩu an toàn qua email hoặc số điện thoại.   **Vai trò người dùng:**   * **Người tìm việc:** Có thể tìm kiếm việc làm, ứng tuyển, tạo hồ sơ. * **Nhà tuyển dụng:** Có thể đăng tin tuyển dụng, quản lý ứng viên, liên hệ ứng viên. * **Quản trị viên:** Kiểm duyệt tin tuyển dụng, xử lý vi phạm, quản lý hệ thống.   **Xác thực nhà tuyển dụng:**   * **Yêu cầu xác thực danh tính qua giấy phép kinh doanh hoặc email doanh nghiệp.** * **Quản trị viên xét duyệt trước khi cho phép đăng tin tuyển dụng.** |
| 2 | **Hồ sơ và CV** | **- Người tìm việc tạo hồ sơ cá nhân, tải lên CV hoặc tự thiết kế CV trực tuyến.**  **- Cho phép lưu nhiều phiên bản CV để nộp cho các vị trí khác nhau.** |
| 3 | **Tìm kiếm và lọc công việc** | **- Tìm theo từ khóa, công ty, vị trí, mức lương, loại hình công việc.**  **- Sử dụng AI để gợi ý công việc phù hợp dựa trên hồ sơ người dùng.**  **- Sắp xếp kết quả theo ngày đăng, mức lương, hoặc độ phổ biến** |
| 4 | **Quản lý quy trình ứng tuyển** | **- Ứng tuyển trực tuyến nhanh chóng với một cú nhấp chuột.**  **- Theo dõi trạng thái hồ sơ: đã gửi, đang phỏng vấn, trúng tuyển.** |
| 5 | **Chat và phỏng vấn trực tuyến** | - \*Tích hợp chat thời gian thực bằng Firebase để kết nối ứng viên và nhà tuyển dụng.  - \*Hỗ trợ phỏng vấn trực tuyến qua video call. |
| 6 | **Thông báo và nhắc nhở** | - \*Gửi thông báo về việc làm mới hoặc trạng thái hồ sơ qua email/push notification.  - Nhắc nhở lịch phỏng vấn hoặc hết hạn ứng tuyển |
| 7 | **Thống kê và báo cáo** | - Nhà tuyển dụng xem số lượng hồ sơ đã nhận, tỉ lệ ứng viên đạt yêu cầu.  - Người tìm việc xem số lượt xem hồ sơ, tỉ lệ phản hồi từ nhà tuyển dụng. |

### Lược đồ use case

|  |
| --- |
|  |

Hình 1.1: Lược đồ use case hệ thống

Bảng 1.1: Tên bảng 1

### Đặc tả use case

Đặc tả các use case quan trọng

## Thiết kế hệ thống

### Sơ đồ lớp UML

Thiết kế sơ đồ lớp các entity class

Phân tích, giải thích các mối quan hệ thiết lập

### Lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ

Lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ.

Giải thích mối quan hệ giữa các bảng.

Thông tin các bảng.

Bảng 1.2: Tên bảng 2

### Thiết kế giao diện và thiết kế xử lý

Thiết kế cac giao diện chính và các thiết kế xử lý tương ứng từng màn hình

# **HIỆN THỰC RESTFUL API**

## Thiết kế Model

## Xây dựng API

## Kiểm thử API

# **PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DI ĐỘNG REACT NATIVE**

## Cấu trúc ứng dụng

## Xây dựng giao diện

## Tích hợp API

## Tối ưu hiệu suất

# HỆ THỐNG <TÊN ĐỀ TÀI>

## Kết quả đạt được của đề tài

## Các chức năng hệ thống

### Chức năng 1

Giới thiệu chức năng 1

Hình HỆ THỐNG <TÊN ĐỀ TÀI>.2: Hình chức năng 1 (chụp từ kết quả hệ thống)

### Chức năng 2

Giới thiệu chức năng 2

Hình HỆ THỐNG <TÊN ĐỀ TÀI>.3: Hình chức năng 2 (chụp từ kết quả hệ thống)

Hình 3.3: Kết quả